

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
LQ2**

**HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N-

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **30/2019/HNGĐ- ST**

Ngày: 28 - 6 - 2019

"Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N-LQ2**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Hoa

Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích T_NĐ, sinh năm 1992. Địa chỉ: 315 QT, phường VQ, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Tuấn A là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Kiên Giang. Có mặt.

Bị đơn: Anh Danh H_BĐ, sinh năm 1986. HKTT: 315 QT, phường VQ, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang. Nơi cư trú: ấp 8X, xã ĐH, huyện An Minh, Kiên Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05-9-2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T_NĐ trình bày và yêu cầu như sau:

Chị T_NĐ và anh H_BĐ quen biết, tìm hiểu nhau trước rồi đi đến hôn nhân. Hai người sống chung với nhau vào năm 2007. Sau đó đăng ký kết hôn ở UBND phường VQ, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang. Vợ chồng sống chung

đám ảm đến khoảng tháng 7 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn chủ yếu là về tiền bạc. Do anh H_BĐ kêu tôi vay tiền nH_BĐ chậm trễ nên anh H_BĐ đánh tôi. Từ đó anh H_BĐ bỏ nhà đi về ấp 8X, xã ĐH (nhà cha mẹ ruột anh H_BĐ) sống và ly thân cho đến nay.

Vợ, chồng có 3 đứa con chung tên Nguyễn Văn T-lq1, sinh ngày 05/10/2007 (lý do T-lq1 họ Nguyễn là lúc đó giữa chị T_NĐ và anh H_BĐ mâu thuẫn, anh H_BĐ ly thân nên khi khai sinh lấy theo họ mẹ); Danh N-lq2, sinh ngày 18/02/2010 và Danh Nguyễn Văn B-lq3, sinh ngày 30/01/2015. Cả 3 đứa con hiện đang sống chung với chị T_NĐ và 2 đứa lớn có nguyện vọng sống chung với chị T_NĐ. Về tài sản và nợ chung: không có.

Chị T_NĐ khởi kiện xin ly hôn với anh H_BĐ; Về con yêu cầu được nuôi 3 đứa con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con (trước đây chị T_NĐ có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nay không yêu cầu nữa); về tài sản và nợ không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Danh H_BĐ vắng mặt, không có lời trình bày.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T_NĐ: Đề nghị HĐXX cho chị T_NĐ được ly hôn với anh H_BĐ; giao con cho chị T_NĐ nuôi; chị T_NĐ không yêu cầu cấp dưỡng; tài sản, nợ chung không yêu cầu. Đề nghị miễn án phí cho chị T_NĐ.

- Tại đơn trình bày nguyện vọng đề ngày 05-9-2018, hai cháu T-lq1 và N-lq2 có nguyện vọng sống cùng với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; phía bị đơn vắng mặt nên đã không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định; việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX cho chị T_NĐ ly hôn với anh H_BĐ; về con giao cho chị T_NĐ nuôi 3 đứa con chung, anh H_BĐ không phải cấp dưỡng; tài sản, nợ không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo giấy xác nhận của Ban lãnh đạo ấp 8X, xã ĐH và xác minh của Tòa án cho thấy: sau khi ly thân chị T_NĐ, anh H_BĐ đã về sinh sống tại ấp 8X, xã ĐH, huyện An Minh vì vậy Tòa án nhân dân huyện An Minh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nH_BĐ anh H_BĐ đều vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nH_BĐ anh H_BĐ vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H_BĐ.

[2] Về quan hệ hôn nhân, anh H_BĐ và chị T_NĐ sống với nhau như vợ chồng vào năm 2007. Anh, chị chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND phường VQ, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24-4-2014 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Chị T_NĐ với anh H_BĐ sống chung một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh, chị có nhiều bất đồng trong cuộc sống, mâu thuẫn về tiền bạc, cự cãi nhau. Sau đó anh, chị đã ly thân nhau vào tháng 7 năm 2018 cho đến nay. Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ thì anh H_BĐ vắng mặt không tham dự. Việc anh H_BĐ không có ý kiến khi nguyên đơn xin ly hôn, không tham dự phiên hòa giải, phiên tòa vừa vi phạm nghĩa vụ bị đơn vừa đánh mất cơ hội hòa giải đoàn tụ tại Tòa án. Từ đó cho thấy giữa chị T_NĐ với anh H_BĐ từ mâu thuẫn gia đình nên đã ly thân, vợ, chồng đã không sống chung một thời gian dài làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị T_NĐ được ly hôn với anh H_BĐ.

[4] Về con chung, chị T_NĐ xác định anh, chị 3 đứa con chung tên Nguyễn Văn T-lq1, sinh ngày 05/10/2007 (lý do T-lq1 họ Nguyễn là lúc đó giữa chị T_NĐ và anh H_BĐ mâu thuẫn, anh H_BĐ ly thân nên khi khai sinh lấy theo họ mẹ); Danh N-lq2, sinh ngày 18/02/2010 và Danh Nguyễn Văn B-lq3, sinh ngày 30/01/2015. Cả 3 đứa con hiện đang sống chung với chị T_NĐ. Chị T_NĐ xin được nuôi con sau ly hôn. Xét thấy yêu cầu của chị T_NĐ là phù hợp với nguyện vọng của cá cháu T-lq1, N-lq2; anh H_BĐ không có ý kiến, yêu cầu về việc nuôi con. HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao chị T_NĐ nuôi dưỡng các con chung. Anh H_BĐ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T_NĐ không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị T_NĐ xác định không có và không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về án phí, nguyên đơn chị T_NĐ là cá nhân thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy

định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, các Điều 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích T_NĐ và anh Danh H_BĐ.

2. Về con chung: giao chị T_NĐ trực tiếp nuôi dưỡng 3 con chung là Nguyễn Văn T-lq1, sinh ngày 05/10/2007, Danh N-lq2, sinh ngày 18/02/2010 và Danh Nguyễn Văn B-lq3, sinh ngày 30/01/2015. Cả 3 đứa con hiện đang sống chung với chị T_NĐ. Anh H_BĐ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí, chị Nguyễn Thị Bích T_NĐ được miễn nộp tiền án phí,

Hoàn trả chị Nguyễn Thị Bích T_NĐ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại B-lq3 lai thu số 0006010 ngày 05-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T_NĐ có mặt nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Anh H_BĐ vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
 - VKSND huyện An Minh;
 - Chi cục THADS huyện An Minh;
 - Các đương sự;
 - UBND P. VQ,
- TP. Rạch Giá, KG;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Công

Lê Chí Công